

# Deloitte.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH DỊCH VỤ  
CAO CẤP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 29

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Tuấn Anh	Chủ tịch
Bà Dương Thị Cẩm Thủy	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2015)
Ông Nguyễn Ngọc Minh	Ủy viên
Ông Lê Quang Thụ	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2015)
Ông Nguyễn Khoa Điền	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2015)
Bà Vũ Thị Hương	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2015)

#### **Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Tuấn Anh	Giám đốc
Ông Đỗ Quốc Phương	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Phi Hùng	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Hải	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 25 tháng 3 năm 2015)
Ông Nguyễn Hoàng Nam	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2015)

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Nguyễn Tuấn Anh**  
Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2015

Số: 0057 /VNIA-HN-BC

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 và Thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 14 tháng 8 năm 2015, từ trang 5 đến trang 29. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Như trình bày tại Thuyết minh số 18 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đã thực hiện ký hợp đồng góp vốn và thỏa thuận nhận đặt cọc với khách hàng tại Dự án Văn Phú và Dự án Việt Hưng với tổng số tiền lần lượt là khoảng 229 tỷ đồng và khoảng 1,3 tỷ đồng. Tuy nhiên, Công ty chưa thực hiện phát hành hóa đơn giá trị gia tăng để hạch toán và kê khai thuế giá trị gia tăng đầu ra và kê khai tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo các quy định về thuế hiện hành. Dựa trên các bằng chứng mà Công ty cung cấp, chúng tôi không thể tính toán được ảnh hưởng của nghĩa vụ thuế phải nộp của Công ty liên quan đến các hợp đồng góp vốn và thỏa thuận đặt cọc này.

Như trình bày tại Thuyết minh số 7 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bình An (Bình An) với giá trị là 205.082.444.751 đồng. Tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty chưa xem xét để trích lập dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư vào công ty này. Chúng tôi không thực hiện được các thủ tục soát xét để đánh giá dự phòng giảm giá đầu tư tài chính cần trích lập tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 liên quan đến khoản đầu tư này, theo đó chúng tôi không đưa ra kết luận về việc liệu có cần điều chỉnh dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và các chỉ tiêu có liên quan hay không.



## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào khác để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



---

**Phạm Hoài Nam**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0042-2013-001-1

---

**Phạm Quỳnh Hoa**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0910-2013-001-1

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

*Ngày 14 tháng 8 năm 2015*  
*Hà Nội, CHXHCN Việt Nam*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

**MẪU SỐ B 01a-DN**  
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	31/12/2014
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.006.623.431.377</b>	<b>982.397.337.584</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>12.539.769.898</b>	<b>2.851.483.021</b>
1. Tiền	111	5	3.499.769.898	1.851.483.021
2. Các khoản tương đương tiền	112	6	9.040.000.000	1.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>7</b>	<b>214.185.365.062</b>	<b>211.044.494.751</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		214.838.805.062	211.358.342.187
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(653.440.000)	(313.847.436)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>38.544.683.307</b>	<b>40.746.956.172</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	92.300.000	465.229.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	18.237.142.809	18.358.156.211
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	24.088.440.498	24.296.770.961
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(3.873.200.000)	(2.373.200.000)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>12</b>	<b>717.709.815.951</b>	<b>704.417.648.620</b>
1. Hàng tồn kho	141		717.709.815.951	704.417.648.620
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>23.643.797.159</b>	<b>23.336.755.020</b>
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		23.093.175.727	22.786.133.588
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		550.621.432	550.621.432
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>59.044.555.301</b>	<b>75.236.143.758</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>10</b>	<b>10.000.000</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216		10.000.000	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>-</b>	<b>12.916.668</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	-	-
- Nguyên giá	222		2.370.983.950	2.370.983.950
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.370.983.950)	(2.370.983.950)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	12.916.668
- Nguyên giá	228		303.000.000	303.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(303.000.000)	(290.083.332)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>15</b>	<b>14.728.580.206</b>	<b>14.726.830.206</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		14.728.580.206	14.726.830.206
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>36.904.915.728</b>	<b>53.191.604.761</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	7	43.450.000.000	57.900.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(6.545.084.272)	(4.708.395.239)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>7.401.059.367</b>	<b>7.304.792.123</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	7.401.059.367	7.304.792.123
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.065.667.986.678</b>	<b>1.057.633.481.342</b>

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

**MẪU SỐ B 01a-DN**

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	31/12/2014
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>545.529.086.860</b>	<b>530.451.869.594</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>545.529.086.860</b>	<b>530.451.869.594</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	45.704.309.752	53.430.213.981
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	71.296.795.704	53.711.777.452
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		55.465.852	103.198.152
4. Phải trả người lao động	314		791.735.191	1.046.007.001
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		162.247.475	61.363.636
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	415.048.151.834	419.473.428.320
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	10.000.000.000	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.470.381.052	2.625.881.052
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>520.138.899.818</b>	<b>527.181.611.748</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>520.138.899.818</b>	<b>527.181.611.748</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		531.009.130.000	531.009.130.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		11.788.944.000	11.788.944.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(10.507.397.490)	(10.507.397.490)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.687.396.552	10.687.396.552
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		4.378.477.974	4.378.477.974
6. (Lỗ) lũy kế	421		(27.217.651.218)	(20.174.939.288)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(20.174.939.288)	(20.843.820.374)
- (Lỗ)/lợi nhuận năm nay	421b		(7.042.711.930)	668.881.086
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.065.667.986.678</b>	<b>1.057.633.481.342</b>



Chử Thị Thúy Hà  
Người lập biểu

Ngày 14 tháng 8 năm 2015



Nguyễn Thị Hà Thu  
Kế toán trưởng



  
Nguyễn Tuấn Anh  
Giám đốc



### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

**MẪU SỐ B 02a-DN**  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		-	-
4. Giá vốn hàng bán	11		-	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		-	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	154.104.864	4.318.289.350
7. Chi phí tài chính	22	21, 23	2.349.009.770	(530.874.167)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		98.611.111	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	4.847.807.024	4.255.065.652
10. (Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		(7.042.711.930)	594.097.865
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		-	-
14. Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(7.042.711.930)	594.097.865
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	-	-
16. (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		(7.042.711.930)	594.097.865
17. (Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25		11

Chử Thị Thúy Hà  
Người lập biểu

Ngày 14 tháng 8 năm 2015

Nguyễn Thị Hà Thu  
Kế toán trưởng



Nguyễn Tuấn Anh  
Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

**MẪU SỐ B 03a-DN**  
 Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015</b>	<b>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. (Lỗ)/lợi nhuận trước thuế	01	(7.042.711.930)	594.097.865
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	12.916.668	190.419.970
Các khoản dự phòng	03	3.676.281.597	(535.247.807)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(154.104.864)	(4.318.289.350)
Chi phí lãi vay	06	(98.611.111)	-
3. (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(3.606.229.640)	(4.069.019.322)
Thay đổi các khoản phải thu	09	539.335.590	(997.475.499)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(13.292.167.331)	(853.030.571)
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	5.201.470.677	(4.514.132.846)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(96.267.244)	81.870.351
Thay đổi chứng khoán kinh doanh	13	(3.480.462.875)	2.524.811.530
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(147.369.316)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(496.171.673)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(14.734.320.823)</b>	<b>(8.470.517.346)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.750.000)	(3.000.000)
2. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	14.450.000.000	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>14.448.250.000</b>	<b>(3.000.000)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	10.000.000.000	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(25.642.300)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>9.974.357.700</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>9.688.286.877</b>	<b>(8.473.517.346)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.851.483.021	14.731.386.234
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	12.539.769.898	6.257.868.888



Chử Thị Thúy Hà  
 Người lập biểu



Nguyễn Thị Hà Thu  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Tuấn Anh  
 Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam - tiền thân là Công ty Cổ phần Dầu khí Tân Viên - được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303000579 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp ngày 17 tháng 11 năm 2006. Ngày 17 tháng 3 năm 2008, Công ty Cổ phần Dầu khí Tân Viên đổi tên thành Công ty Cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty" hay "PVR") theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai.

Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 346/QĐ-SGDCKHN ngày 10 tháng 6 năm 2010 với mã cổ phiếu là PVR.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 31 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 36 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Hoạt động của các cơ sở thể thao;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu;
- Điều hành tour du lịch;
- Nhà hàng và dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Bán buôn tổng hợp;
- Đại lý du lịch;
- Bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Dịch vụ lưu trú ngắn hạn;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch;
- Hoạt động thể thao khác;
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng nhà các loại;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Phá dỡ;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Trồng cây lấy củ có chất bột;
- Chăn nuôi trâu, bò;
- Chăn nuôi gia cầm;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Trồng cây ăn quả;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Do đặc thù đa ngành nghề của doanh nghiệp nên chu kỳ sản xuất kinh doanh có sự thay đổi theo thời gian và theo từng lĩnh vực cụ thể. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng. Đối với hoạt động xây lắp, một số dự án bất động sản chu kỳ sản xuất kinh doanh có thể trên 12 tháng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**

**Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong kỳ hoạt động**

Không có sự kiện quan trọng xảy ra trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 cần trình bày thông tin trong báo cáo tài chính.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tòa nhà Fafilm, số 19 Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, Hà Nội. Công ty có một chi nhánh tại xã Cẩm Lĩnh, huyện Ba Vì, Hà Nội.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho kỳ hoạt động bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 để đảm bảo tính so sánh với số liệu của kỳ này.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, tài sản ngắn hạn của Công ty (không bao gồm giá trị hàng tồn kho là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang) thấp hơn nợ ngắn hạn là khoảng 256 tỷ đồng. Lỗ sau thuế và lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trong kỳ lần lượt là khoảng 7 tỷ đồng và âm khoảng 14 tỷ đồng. Các yếu tố này gây nên sự lo ngại về khả năng tạo tiền của Công ty để thanh toán cho các khoản công nợ đến hạn. Ban Giám đốc đánh giá khoản nợ ngắn hạn bao gồm các khoản phải trả khác là tiền nhận góp vốn, đặt cọc vào Dự án Văn Phú và Dự án Việt Hưng với tổng giá trị khoảng 270 tỷ đồng sẽ không phải trả trong vòng 12 tháng tới. Đồng thời, Ban Giám đốc Công ty đã và đang tăng cường, đẩy mạnh thu nợ cũng như đàm phán gia hạn các khoản nợ phải trả đến hạn. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Công ty có thể thu được tiền theo tiến độ đã quy định trong hợp đồng tương ứng với tiến độ xây dựng của Dự án Văn Phú, tiền thu được theo hợp đồng mua bán nhà vườn tại Dự án Việt Hưng. Công ty cân đối được dòng tiền để thanh toán các khoản nợ khi đến hạn và phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Ban Giám đốc tin tưởng việc lập báo cáo tài chính của công ty trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là phù hợp.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

**Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, phải trả khác và các khoản chi phí phải trả.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**      **MẪU SỐ B 09a-DN**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Các khoản đầu tư tài chính**

***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Nợ phải thu***

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.



**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Từ ngày 01/01/2015**  
**đến ngày 30/6/2015**

Số năm

Thiết bị văn phòng	3 - 5
Phương tiện vận tải	6

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị phần mềm máy tính và chi phí thiết kế website của Công ty, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Các tài sản cố định vô hình của Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí liên quan đến hoạt động bán các sản phẩm xây dựng nhưng chưa phát sinh doanh thu và giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Chi phí liên quan đến hoạt động bán các sản phẩm xây dựng được phân bổ khi doanh thu liên quan đến các chi phí này được ghi nhận. Giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**      **MẪU SỐ B 09a-DN**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế (Tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN**

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	137.732.996	249.151.371
Tiền gửi ngân hàng (*)	3.362.036.902	1.602.331.650
	<u><b>3.499.769.898</b></u>	<u><b>1.851.483.021</b></u>

(\*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, số dư tiền gửi ngân hàng bao gồm số tiền 1.032.076.005 đồng là các khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương đang bị phong tỏa do có cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty là người có liên quan đến Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương và Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương. Ban Giám đốc Công ty đánh giá khoản tiền này sẽ thu hồi được trong tương lai khi có quyết định/hướng dẫn cụ thể của Ngân hàng Nhà nước, do đó tổn thất (nếu có) ảnh hưởng tới báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 là không trọng yếu. Theo đó Ban Giám đốc không trích lập dự phòng tổn thất tài sản cho khoản tiền bị phong tỏa này và tiếp tục trình bày khoản tiền này trên khoản mục tiền gửi ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015.

**6. CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn gốc 1 tháng.

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Thăng Long (*)	1.040.000.000	1.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	8.000.000.000	-
	<u><b>9.040.000.000</b></u>	<u><b>1.000.000.000</b></u>

(\*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, số dư tiền gửi có kỳ hạn bao gồm số tiền 1.040.000.000 đồng là khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương đang bị phong tỏa do có cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty là người có liên quan đến Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương và Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương. Ban Giám đốc Công ty đánh giá khoản tiền này sẽ thu hồi được trong tương lai khi có quyết định/hướng dẫn cụ thể của Ngân hàng Nhà nước, do đó tổn thất (nếu có) ảnh hưởng tới báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 là không trọng yếu. Theo đó Ban Giám đốc không trích lập dự phòng tổn thất tài sản cho khoản tiền bị phong tỏa này và tiếp tục trình bày khoản tiền này trên khoản mục tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2015.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	30/6/2015			31/12/2014		
	Giá gốc	VND Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	VND Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>a. Chứng khoán kinh doanh</b>						
- Tổng giá trị cổ phiếu	214.838.805.062	9.102.920.311	(653.440.000)	211.358.342.187	5.962.050.000	(313.847.436)
Công ty CP Xây dựng Sông Hồng (ICG)	4.329.284.689	3.675.844.689	(653.440.000)	4.329.284.689	4.135.050.000	(194.234.689)
Công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục (EFI)	5.427.075.622	5.427.075.622	-	1.946.612.747	1.827.000.000	(119.612.747)
Công ty CP Đầu tư Phát triển Bình An (i)	205.082.444.751	(ii)	-	205.082.444.751	(ii)	-
	<b>214.838.805.062</b>	<b>9.102.920.311</b>	<b>(653.440.000)</b>	<b>211.358.342.187</b>	<b>5.962.050.000</b>	<b>(313.847.436)</b>

- (i) Phản ánh giá trị khoản đầu tư tương ứng với 11.310.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bình An (tương đương 19,5% vốn điều lệ của công ty này). Tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty chưa xem xét để trích lập dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư vào công ty này.

	30/6/2015			31/12/2014		
	Giá gốc	VND Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	VND Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>						
- Đầu tư vào đơn vị khác.						
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Việt Nam	21.350.000.000	(ii)	(2.186.652.181)	21.350.000.000	(ii)	-
Công ty CP Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	-	-	-	14.450.000.000	(ii)	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - IDICO	12.000.000.000	12.000.000.000	-	12.000.000.000	12.000.000.000	-
Công ty CP Đầu tư PV2	5.000.000.000	3.233.586.925	(1.766.413.075)	5.100.000.000	7.213.494.609	(2.113.494.609)
Công ty CP Khách sạn Dầu khí Lam Kinh	5.100.000.000	(ii)	(2.592.019.016)	5.000.000.000	(ii)	(2.594.900.630)
	<b>43.450.000.000</b>		<b>(6.545.084.272)</b>	<b>57.900.000.000</b>		<b>(4.708.395.239)</b>

- (ii) Theo quy định tại Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này do các đơn vị được đầu tư chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**8. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

Thể hiện số tiền phải thu từ Công đoàn Công ty Cổ Phần Thiết kế Quốc tế Heerim - PVC về tổ chức sự kiện cho cán bộ công nhân viên của công ty này đi du lịch từ năm 2011. Khoản phải thu đã được trích lập dự phòng 100%.

**9. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

Thể hiện số tiền trả trước cho các nhà thầu xây dựng để thực hiện Dự án CT10-11 và Dự án Tổ hợp căn hộ và dịch vụ chung cư CT15 - Việt Hưng.

**10. PHẢI THU KHÁC**

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>24.088.440.498</b>	<b>24.296.770.961</b>
Phải thu bán cổ phần (i)	9.900.000.000	9.900.000.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh Quản lý BĐS Trung kỳ (ii)	7.500.000.000	7.500.000.000
Công ty CP Đầu tư NNP	3.765.684.915	3.574.970.738
Phải thu người lao động	2.851.607.076	3.262.575.867
Các khoản phải thu khác	71.148.507	59.224.356
<b>b. Dài hạn</b>	<b>10.000.000</b>	-
Ký cược, ký quỹ	10.000.000	-
	<u><b>24.098.440.498</b></u>	<u><b>24.296.770.961</b></u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.873.200.000)	(2.373.200.000)
	<u><b>20.225.240.498</b></u>	<u><b>21.923.570.961</b></u>

- (i) Phản ánh khoản phải thu một cá nhân liên quan đến việc chuyển nhượng 825.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVCI) từ năm 2011. Đến ngày lập báo cáo tài chính này, các bên đã có biên bản làm việc để cá nhân này đồng ý chuyển nhượng lại toàn bộ 825.000 cổ phần của PVCI lại cho Công ty, đồng thời chịu toàn bộ chi phí chuyển nhượng để thanh toán cho khoản nợ này. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng giao dịch này và quyết định không trích lập dự phòng bổ sung cho khoản công nợ phải thu này.
- (ii) Phản ánh khoản tiền đặt cọc của Công ty cho Công ty Cổ phần Kinh doanh Quản lý Bất động sản Trung Kỳ về việc mua quyền sử dụng đất tại Dự án Bãi tắm Viêm Đông theo hợp đồng góp vốn ngày 07 tháng 10 năm 2011. Theo thỏa thuận của các bên, Công ty Cổ phần Kinh doanh quản lý Bất động sản Trung Kỳ phải hoàn trả lại khoản tiền đặt cọc này cho Công ty theo thời hạn đã được gia hạn đến ngày 17 tháng 3 năm 2014. Đến ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty Cổ phần Kinh doanh Quản lý Bất động sản Trung Kỳ chưa hoàn trả khoản tiền nêu trên cho Công ty. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, khoản công nợ này đã được trích lập dự phòng với số tiền là 3.750.000.000 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**      **MẪU SỐ B 09a-DN**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**11. NỢ XẤU**

	30/6/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>				
Công đoàn Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim - PVC	92.300.000	-	92.300.000	-
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>				
Công ty CP Kinh doanh Quản lý BĐS Trung Kỳ	7.500.000.000	3.750.000.000	7.500.000.000	5.250.000.000
Công ty TNHH Kinh Doanh Nhà Vĩnh Hưng	30.900.000	-	30.900.000	-

**12. HÀNG TỒN KHO**

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Dự án CT 10-11 Văn Phú (i)	646.780.457.913	638.378.378.212
Dự án Tổ hợp căn hộ và dịch vụ chung cư CT 15-Việt Hưng (ii)	65.947.397.455	65.546.992.621
Công trình khác	4.981.960.583	492.277.787
	<b>717.709.815.951</b>	<b>704.417.648.620</b>

- (i) Hàng tồn kho phản ánh chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Dự án CT10-11 Văn Phú thuộc Tổ hợp chung cư cao tầng và dịch vụ thương mại Văn Phú, Khu đô thị mới Văn Phú, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Công ty đã nhận chuyển nhượng dự án từ Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú - Invest theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền phát triển dự án số 55/2010/VPI-PVR ngày 27 tháng 9 năm 2010 với diện tích 7.023 m<sup>2</sup> xây dựng chung cư kết hợp trung tâm thương mại. Dự án có tổng vốn đầu tư dự kiến là khoảng 1.456,3 tỷ đồng.
- (ii) Dự án xây dựng chung cư để bán tại Khu đô thị mới Việt Hưng, quận Long Biên, Hà Nội. Dự án được thực hiện theo hợp đồng liên danh giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư NNP với tỷ lệ vốn góp tương ứng là 30% và 70%. Mọi chi phí dự án được theo dõi bởi Công ty Cổ phần Đầu tư NNP. Hiện tại, hàng tháng, Công ty Cổ phần Đầu tư NNP chịu trách nhiệm giám sát dự án và thông báo chi phí xây dựng theo tỷ lệ vốn góp của liên danh để Công ty ghi nhận.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, các dự án trên đang được Công ty tiếp tục triển khai. Ban Giám đốc Công ty khẳng định Công ty đã thu xếp được các nguồn tài chính cần thiết để đảm bảo triển khai thành công các dự án.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
<i>a) Ngắn hạn</i>	-	-
<i>b) Dài hạn</i>	<b>7.401.059.367</b>	<b>7.304.792.123</b>
Chi phí công cụ, dụng cụ	8.081.929	15.143.975
Chi phí bán hàng cho dự án	7.359.977.438	7.190.648.148
Chi phí khác	33.000.000	99.000.000
	<u><b>7.401.059.367</b></u>	<u><b>7.304.792.123</b></u>

**14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<u>Thiết bị văn phòng</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2015	816.089.950	1.554.894.000	2.370.983.950
Tại ngày 30/6/2015	<b>816.089.950</b>	<b>1.554.894.000</b>	<b>2.370.983.950</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2015	816.089.950	1.554.894.000	2.370.983.950
Tại ngày 30/6/2015	<b>816.089.950</b>	<b>1.554.894.000</b>	<b>2.370.983.950</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 30/6/2015	-	-	-
Tại ngày 31/12/2014	-	-	-

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 2.673.983.950 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 2.538.983.950 đồng).

**15. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn</b>		
<i>Dự án Khu du lịch quốc tế cao cấp Tản Viên (i)</i>	14.728.580.206	14.726.830.206
	<u><b>14.728.580.206</b></u>	<u><b>14.726.830.206</b></u>

- (i) Dự án Khu du lịch quốc tế cao cấp Tản Viên, Ba Vì, Hà Nội. Khoản mục này chủ yếu bao gồm chi phí tư vấn lập quy hoạch xây dựng, cung cấp bản đồ địa hình, chi phí tư vấn khảo sát, lập phương án kỹ thuật thi công, v.v... liên quan đến dự án Khu du lịch Hồ Suối Hai đang trong quá trình chuẩn bị đầu tư. Ngày 12 tháng 3 năm 2014, Hội đồng Quản trị Công ty đã có Nghị quyết giao cho Ban Giám đốc Công ty tìm kiếm đối tác để thực hiện các thủ tục pháp lý để thoái vốn hoặc ký thỏa thuận hợp tác đầu tư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/6/2015		31/12/2014	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ
		VND		VND
<b>a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	12.800.000.000	12.800.000.000	12.800.000.000	12.800.000.000
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sông Đà	14.432.195.203	14.432.195.203	14.432.195.203	14.432.195.203
Công ty CP Đầu tư Văn Phú - Invest	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Hạ Tầng Đô thị UDIC-Công ty TNHH Một thành viên	3.512.730.039	3.512.730.039	11.496.648.182	11.496.648.182
Các đối tượng khác	4.959.384.510	4.959.384.510	4.701.370.596	4.701.370.596
<b>b. Phải trả người bán là các bên liên quan</b>				
	-	-	-	-
	<b>45.704.309.752</b>	<b>45.704.309.752</b>	<b>53.430.213.981</b>	<b>53.430.213.981</b>

**17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Ứng trước tiền mua căn hộ tại dự án CT10-11 Văn Phú	53.711.777.452	53.711.777.452
Ứng trước tiền mua nhà vườn tại dự án Việt Hưng	17.357.207.452	-
Khác	227.810.800	-
	<b>71.296.795.704</b>	<b>53.711.777.452</b>

**18. PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN**

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Nhận tiền góp vốn vào Dự án Văn Phú (i)	229.468.104.445	229.668.104.445
Nhận tiền góp vốn vào Dự án Việt Hưng (i)	1.348.100.000	5.454.957.400
Phải trả cổ tức (ii)	18.507.869.850	18.533.512.150
Phải trả mua cổ phần (iii)	18.000.000.000	18.000.000.000
Công ty CP Tập đoàn Đại Dương (iv)	40.017.888.881	40.017.888.881
Công ty CP Đầu tư Phát triển Bình An (v)	105.872.468.579	105.872.468.579
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn	394.929.961	352.047.279
Phải trả khác	1.438.790.118	1.574.449.586
	<b>415.048.151.834</b>	<b>419.473.428.320</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**18. PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

- (i) Công ty nhận tiền của các nhà đầu tư theo các hợp đồng góp vốn và thỏa thuận đặt cọc. Theo đó, khi dự án đủ điều kiện để bán căn hộ theo quy định của pháp luật, nhà đầu tư được quyền mua căn hộ theo đúng quy định trong hợp đồng góp vốn. Đối với các nhà đầu tư tham gia thỏa thuận đặt cọc sẽ được nhận quyền góp vốn và phân chia lợi nhuận tại dự án tham gia góp vốn theo đúng quy định đã thỏa thuận trên thỏa thuận đặt cọc.

Đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đã thực hiện ký hợp đồng góp vốn và thỏa thuận nhận đặt cọc với khách hàng tại Dự án Văn Phú và Dự án Việt Hưng với tổng số tiền lần lượt là khoảng 229 tỷ đồng và khoảng 1,3 tỷ đồng, đồng thời kết chuyển số tiền đã nhận ứng trước cho một số hợp đồng bán căn hộ, biệt thự sang khoản mục “Người mua trả tiền trước ngắn hạn” với số tiền lần lượt là khoảng 53 tỷ đồng và 17 tỷ đồng, như trình bày tại Thuyết minh số 17. Tuy nhiên, Công ty chưa thực hiện phát hành hóa đơn giá trị gia tăng để hạch toán và kê khai thuế giá trị gia tăng đầu ra và kê khai tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp tương ứng với số tiền đã nhận của Dự án Việt Hưng theo các quy định về thuế hiện hành.

- (ii) Phản ánh các khoản cổ tức năm 2010 và năm 2011 phải thanh toán cho một số cổ đông của Công ty.
- (iii) Phản ánh số tiền phải trả cho Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC) về việc nhận chuyển nhượng 1.500.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVCI).
- (iv) Phản ánh khoản tiền nhận đặt cọc của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương để cam kết và thực hiện hợp đồng chuyển nhượng diện tích thương mại của Dự án Văn Phú theo Hợp đồng đặt cọc số 15/2013/HĐĐC/OGC-PVR ngày 28 tháng 3 năm 2013.
- (v) Phản ánh số tiền Công ty còn phải thanh toán thay cho một số công ty cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bình An theo biên bản thanh lý hợp đồng chuyển nhượng cổ phần sau khi bù trừ đi các khoản tiền Công ty phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bình An.

**19. VAY NGẮN HẠN**

Thể hiện khoản vay Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ Định theo Hợp đồng vay tiền số 10/HĐ/2015/PVCR-HD thực hiện các công việc thanh toán cho các hạng mục trước thời điểm hai bên ký hợp đồng hợp tác kinh doanh tại dự án tòa nhà chung cư cao tầng và dịch vụ thương mại CT10-11 Văn Phú, Hà Đông, Hà Nội do Công ty làm chủ đầu tư đủ điều kiện để dự án tái khởi động. Khoản vay có thời hạn 10 tháng, không có tài sản đảm bảo và chịu lãi suất cố định là 5%/năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lỗ lũy kế	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2014 như được trình bày năm trước	531.009.130.000	11.788.944.000	(10.507.397.490)	10.687.396.552	4.378.477.974	(20.843.820.374)	526.512.730.662
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	668.881.086	668.881.086
<b>Số dư tại ngày 01/01/2015</b>	<b>531.009.130.000</b>	<b>11.788.944.000</b>	<b>(10.507.397.490)</b>	<b>10.687.396.552</b>	<b>4.378.477.974</b>	<b>(20.174.939.288)</b>	<b>527.181.611.748</b>
Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	(7.042.711.930)	(7.042.711.930)
<b>Số dư tại ngày 30/6/2015</b>	<b>531.009.130.000</b>	<b>11.788.944.000</b>	<b>(10.507.397.490)</b>	<b>10.687.396.552</b>	<b>4.378.477.974</b>	<b>(27.217.651.218)</b>	<b>520.138.899.818</b>

**30/6/2015                      31/12/2014**

**Cổ phiếu**

- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	53.100.913	53.100.913
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	53.100.913	53.100.913
- Số lượng cổ phiếu quỹ	1.194.200	1.194.200
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.194.200	1.194.200
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	51.906.713	51.906.713
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	51.906.713	51.906.713

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**      **MẪU SỐ B 09a-DN**  
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

**Vốn điều lệ và vốn đầu tư**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303000579 thay đổi lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 26 tháng 11 năm 2013, Công ty có vốn điều lệ là 531.009.130.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn thực góp tại ngày 30/6/2015		Vốn thực góp tại ngày 31/12/2014	
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	51.420.000.000	9,68%	51.420.000.000	9,68%
Công ty TNHH VNT	81.519.800.000	15,35%	81.519.800.000	15,35%
Công ty Cổ phần PVI	43.500.000.000	8,19%	43.500.000.000	8,19%
Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn cầu	43.500.000.000	8,19%	43.500.000.000	8,19%
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Thương mại Hệ thống Quốc tế	29.000.000.000	5,46%	29.000.000.000	5,46%
Cổ đông khác	282.069.330.000	53,12%	282.069.330.000	53,12%
<b>Tổng cộng</b>	<b>531.009.130.000</b>	<b>100%</b>	<b>531.009.130.000</b>	<b>100%</b>

**21. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.168.826.341	2.645.913.475
Chi phí vật liệu quản lý	51.435.090	83.947.370
Chi phí đồ dùng văn phòng	20.537.869	98.983.283
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.916.668	186.710.375
Thuế, phí và lệ phí	64.661.705	82.494.101
Chi phí dịch vụ mua ngoài	589.275.089	835.616.502
Dự phòng phải thu khó đòi	1.500.000.000	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	2.176.281.597	(535.247.807)
Chi phí khác bằng tiền	612.882.435	325.774.186
	<b>7.196.816.794</b>	<b>3.724.191.485</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**      **MẪU SỐ B 09a-DN**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 VND	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND
Lãi từ các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	3.791.007.746
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	510.500.000
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	154.104.864	16.781.604
	<b>154.104.864</b>	<b>4.318.289.350</b>

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 VND	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng đầu tư	2.176.281.597	(535.247.807)
Chi phí lãi vay	98.611.111	-
Chi phí khác	74.117.062	4.373.640
	<b>2.349.009.770</b>	<b>(530.874.167)</b>

**24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 VND	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND
(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế	(7.042.711.930)	594.097.865
Điều chỉnh cho thu nhập trước thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	510.500.000
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	72.000.000	72.000.000
Chuyển lỗ	-	(155.597.865)
Thu nhập chịu thuế	-	-
Thuế suất thông thường	22%	22%
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

**25. (LỖ)/LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu suy giảm và lãi cơ bản trên cổ phiếu được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 VND	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND
(Lỗ)/lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(7.042.711.930)	594.097.865
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	51.906.713	51.906.713
Lãi trên cổ phiếu suy giảm và lãi cơ bản trên cổ phiếu	<b>(136)</b>	<b>11</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 19 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lỗ lũy kế).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Các khoản vay	10.000.000.000	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	12.539.769.898	2.851.483.021
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	520.138.899.818	527.181.611.748
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.539.769.898	2.851.483.021
Phải thu khách hàng và phải thu khác	17.465.933.422	19.116.224.094
Đầu tư tài chính ngắn hạn	214.185.365.062	211.044.494.751
Đầu tư tài chính dài hạn	36.904.915.728	53.191.604.761
<b>Tổng cộng</b>	<b>281.095.984.110</b>	<b>286.203.806.627</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	10.000.000.000	-
Phải trả người bán và phải trả khác	189.523.438.299	197.410.644.296
Chi phí phải trả	162.247.475	61.363.636
<b>Tổng cộng</b>	<b>199.685.685.774</b>	<b>197.472.007.932</b>

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**      **MẪU SỐ B 09a-DN**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

***Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường giao dịch các công cụ tài chính này.

***Quản lý rủi ro lãi suất***

Công ty không chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay do lãi suất khoản vay của Công ty là lãi suất cố định.

***Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu***

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

***Quản lý rủi ro về giá hàng hóa***

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**      **MẪU SỐ B 09a-DN**  
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1 - 5 năm</b>	<b>Tổng cộng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>30/6/2015</b>			-
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.539.769.898	-	12.539.769.898
Phải thu khách hàng và phải thu khác	17.465.933.422	-	17.465.933.422
Đầu tư tài chính ngắn hạn	214.185.365.062	-	214.185.365.062
Đầu tư tài chính dài hạn	-	36.904.915.728	36.904.915.728
<b>Tổng cộng</b>	<b>244.191.068.382</b>	<b>36.904.915.728</b>	<b>281.095.984.110</b>
<b>30/6/2015</b>			
Các khoản vay	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	189.523.438.299	-	189.523.438.299
Chi phí phải trả	162.247.475	-	162.247.475
<b>Tổng cộng</b>	<b>199.685.685.774</b>	<b>-</b>	<b>199.685.685.774</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>44.505.382.608</b>	<b>36.904.915.728</b>	<b>81.410.298.336</b>
	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1 - 5 năm</b>	<b>Tổng cộng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>31/12/2014</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.851.483.021	-	2.851.483.021
Phải thu khách hàng và phải thu khác	19.116.224.094	-	19.116.224.094
Đầu tư tài chính ngắn hạn	211.044.494.751	-	211.044.494.751
Đầu tư tài chính dài hạn	-	53.191.604.761	53.191.604.761
<b>Tổng cộng</b>	<b>233.012.201.866</b>	<b>53.191.604.761</b>	<b>286.203.806.627</b>
<b>31/12/2014</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	197.410.644.296	-	197.410.644.296
Chi phí phải trả	61.363.636	-	61.363.636
<b>Tổng cộng</b>	<b>197.472.007.932</b>	<b>-</b>	<b>197.472.007.932</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>35.540.193.934</b>	<b>53.191.604.761</b>	<b>88.731.798.695</b>

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

***Danh sách các bên liên quan:***

<b><u>Bên liên quan</u></b>	<b><u>Mối quan hệ</u></b>
Công ty CP Tập đoàn Đại Dương (OGC)	Cổ đông lớn
Tổng Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật dầu khí Việt Nam	Cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Thương mại Hệ thống Quốc tế	Cổ đông lớn
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương	Bên liên kết của OGC
Công ty CP Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương (OCH)	Bên liên quan của OGC
Công ty CP Đầu tư Phát triển Bình An	Bên nhận đầu tư của Công ty

***Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:***

	<b><u>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015</u></b>	<b><u>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014</u></b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Mua hàng</b>		
Công ty CP Đầu tư Phát triển Bình An	-	357.414.291
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương	-	42.966.729
Công ty CP Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương (OCH)	269.512.052	137.676.025
<b>Thu nhập từ đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương	35.815.133	225.541.922

***Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:***

	<b><u>30/6/2015</u></b>	<b><u>31/12/2014</u></b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tiền gửi</b>		
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương	2.072.076.005	2.101.592.946
<b>Cổ tức phải trả</b>		
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương	6.000.000.000	6.000.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Thương mại Hệ thống Quốc tế	1.450.000.000	1.450.000.000
<b>Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</b>		
Công ty CP Đầu tư Phát triển Bình An	105.872.468.579	105.872.468.579
Công ty CP Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương (OCH)	-	-
<b>Nhận đặt cọc chuyển nhượng trung tâm thương mại</b>		
Công ty CP Tập đoàn Đại Dương (OGC)	40.017.888.881	40.017.888.881

***Thu nhập của Ban Giám đốc***

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	<b><u>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015</u></b>	<b><u>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014</u></b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi	593.142.728	762.385.118
	<b>593.142.728</b>	<b>762.385.118</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**      **MẪU SỐ B 09a-DN**  
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**28. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Như trình bày tại Thuyết minh số 3, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 để phù hợp với việc so sánh số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

	<u>Số đã báo cáo</u>	<u>Phân loại lại</u>	<u>Số sau phân loại lại</u>
	VND	VND	VND
<b>Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>			
Phải thu ngắn hạn khác	21.024.195.094	3.272.575.867	24.296.770.961
Tài sản ngắn hạn khác	3.272.575.867	(3.272.575.867)	-
Doanh thu chưa thực hiện	53.711.777.452	(53.711.777.452)	-
Người mua trả tiền trước	-	53.711.777.452	53.711.777.452
<b>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến 30 tháng 6 năm 2014</b>			
(Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	-	2.524.811.530	2.524.811.530
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	2.524.811.530	(2.524.811.530)	-



**Chử Thị Thúy Hà**  
 Người lập biểu



**Nguyễn Thị Hà Thu**  
 Kế toán trưởng



**Nguyễn Tuấn Anh**  
 Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2015